**Tên:** ……..  **Viết:** ……..

**Lớp:** S4…

**Ngày làm bài**: Thứ ….., ngày …../…..

StarLink

# GLOBAL ENGLISH 4

## Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

**Imagine you are an astronaut. You are going to travel into space. Write 4–6 sentences about your journey.**

**Checklist:**

- Use **"be going to"** for plans & activities.
- Use **Present Simple** for feelings & facts.
- Say **where** you are going in space, **how** you travel there, **what** you can see, **what** you do, **how** you feel.
- Write **4–6 sentences** with correct grammar & spelling.

| Nouns | Verbs | Adjectives | Adverbs | Conjunctions |
|---|---|---|---|---|
| rocket | travel | exciting | slowly | and |
| astronaut | fly | dangerous | carefully | but |
| planet | see | beautiful | clearly | because |
| spaceship | explore | bright | sometimes | then |
| star | land | amazing | usually | so |

**Let's write!**

I am going to ……

I am going there by ……

In space, I can see ……

……

……

……

I also …… in space.

The journey is……

I feel…… because ……



LIVEWORKSHEETS

**Tên:** ……..

**Lớp:** S4…

**Ngày giao bài**: Thứ ….., ngày …../…..

**Ngày nộp bài**: Thứ ….., ngày …../…..

**Ngữ pháp:** ……..

**Đọc & Viết:** ……..

**Mini test:** ……..

# GLOBAL ENGLISH 4

## Unit 2: Earth and beyond - Grammar 2 & Writing

### A. GRAMMAR: Superlatives with short and long adjectives *(So sánh nhất với tính từ ngắn và tính từ dài)*

- **Cách dùng:** So sánh nhất trong tiếng Anh được dùng cho **3 đối tượng trở lên**.

| Cấu trúc | Ví dụ |
|---|---|
| S + to be + **short adj-est** + N | This is **the tallest** building in the city.<br>*(Đây là tòa nhà **cao nhất** trong thành phố.)* |
| S + to be + **the most + long adj** + N | She is the **most intelligent** student in our class.<br>*(Cô ấy là học sinh **thông minh nhất** trong lớp chúng tôi.)* |

***Note**: S = Subject: Chủ ngữ, N = Noun: danh từ; adj = adjective: tính từ*

***Lưu ý 1:**

- **Short adj** *(Tính từ ngắn)* là các tính từ có **một âm tiết**. (tall, short, big, small, old, young, …)
- **Long adj** *(Tính từ dài)* là tính từ có từ **2 âm tiết trở lên**. (intelligent, beautiful, expensive, interesting, …)

***Lưu ý 2:**

| | |
|---|---|
| 1. Tính từ hai âm tiết tận cùng bằng **-er**, **-le**, **-ow**, **-et** thì coi là tính từ ngắn. | simp**le** – simplest<br>narr**ow** – narrowest |
| 2. Tính từ có đuôi **-y**, chuyển **-y** thành **-i** rồi thêm **-est**. | dirt**y** – dirtiest<br>happ**y** – happiest |
| 3. Với tính từ ngắn, nếu trước phụ âm cuối là một nguyên âm thì gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm **-est**. | b**i**g – biggest<br>s**a**d – saddest |

**MỘT SỐ TÍNH TỪ SO SÁNH NHẤT Ở DẠNG ĐẶC BIỆT**

| No. | Adjective | Superlative form | Meaning |
|---|---|---|---|
| 1 | good | the best | tốt |
| 2 | bad | the worst | tồi tệ |
| 3 | little | the least | ít |
| 4 | much / many | the most | nhiều |
| 5 | far | the furthest / the farthest | xa |

### B. EXTRA VOCABULARY

| No. | New word | Meaning | No. | New word | Meaning |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **sail** (v) | lái thuyền buồm | 4 | **press** (v) | ấn |
| 2 | **lend** (v) | cho mượn, cho vay | 5 | **wildlife** (n) | đời sống hoang dã; động vật (và thực vật) hoang dã |
| 3 | **shelf** (n) | cái kệ, giá để đồ | 6 | **ring** (v) | gọi điện |

- ***Note**: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*
- Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.



LIVEWORKSHEETS

## C. HOMEWORK

**I. Choose the correct answers.**

0. Mount Everest is _____ mountain in the world.
   (A.) the tallest  B. most tall  C. the taller
1. This is _____ movie I have ever watched.
   A. the more exciting  B. excitingest  C. the most exciting
2. January is usually _____ month of the year in Canada.
   A. the coldest  B. most cold  C. the colder
3. She is _____ student in our English class.
   A. intelligentest  B. the most intelligent  C. the intelligenter
4. Yesterday was _____ day of the summer.
   A. most hot  B. the hottest  C. the hotter
5. That was _____ story I have ever heard.
   A. interestingest  B. the interestinger  C. the most interesting

**II. Complete the sentences with the SUPERLATIVE form of the adjective in parentheses.**

0. My mum is the most loving **(loving)** person in my family.
1. That was _____ **(fantastic)** concert I have ever been to.
2. He is _____ **(fair)** headteacher in our school.
3. Among all the students, Anna is _____ **(lively)** girl in the class.
4. This librarian is _____ **(caring)** teacher in the school.
5. Yesterday was _____ **(brilliant)** day of our trip.

**III. Write sentences in the PRESENT SIMPLE using the SUPERLATIVE form of the adjectives.**

0. This cook / good / in the restaurant.
→ This cook is the best in the restaurant.
1. Surfing / exciting / sport / at the beach.
→ _____.
2. Snowboarding / dangerous / activity / in the mountains.
→ _____.
3. This caretaker / helpful / person / in the school.
→ _____.
4. Karate / popular / hobby / in my town.
→ _____.
5. The school nurse / busy / worker / in the school.
→ _____.


LIVEWORKSHEETS

# Part 3

**– 5 questions –**

**Michael is talking to his friend Tom about his school holidays.**

**Read the conversation and choose the best answer.**
**Write a letter (A–H) for each answer.**

**You do not need to use all the letters. There is one example.**

**Example**


**Michael:** Hi, Tom. Have you been on holiday?


**Tom:** E .....

1 
**Michael:** Did you have fun on your holiday?


**Tom:** .....

2 
**Michael:** Where did you go?


**Tom:** .....

3 
**Michael:** What was the weather like there?


**Tom:** .....

4 
**Michael:** What did you do there?


**Tom:** .....

5 
**Michael:** Well, I stayed at home which is boring, isn't it?


**Tom:** .....



LIVEWORKSHEETS



A I won't enjoy going there.

B Yes, I did. It was great, thanks.

C Lots of different things but I sailed a lot.

D It's going to rain again tomorrow.

E Yes, I have. I arrived home yesterday. **(Example)**

F It was sunny for most of the time.

G Perhaps next year you'll go away, too.

H To a place called Smalltown, near the sea.



LIVEWORKSHEETS

## Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1




**What does Ewan want Andy to do?**
A. go and buy a laptop with him
B. lend him his laptop

2




A. The table may be clean before you eat.
B. You must clean the table at the end of your meal.

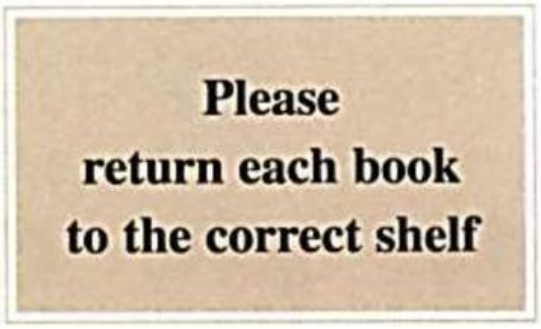
3




A. Do not press any key if you want to play.
B. You can't play if you don't press a key.


LIVEWORKSHEETS

**4**




A. Put the books you use back on their shelves.
B. Check that the right books are on each shelf.

**5**




A. You'll get a discount if you buy 30 tickets.
B. The ticket is more expensive if you are alone.

**6**




**Terry wants Annie to**
A. give him some money.
B. make a phone call.


LIVEWORKSHEETS